

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12 - 4 - 2019
“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mỹ Hương.

Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Tiết Ánh Hồng - Kiểm sát viên .

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 227/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Ông Muộn, xã LVL, thành phố C, tỉnh M.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Tuấn H, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 93, Lộ Mới, khóm H, phường T, thành phố C, tỉnh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Cẩm T trình bày: Chị và anh Phan Tuấn H sống chung vào năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp nên vợ chồng thường xảy ra cự cãi nhau và đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Phan Tuấn H.

Về con chung: Chị T xác định có 02 con chung tên Phan Tuấn D, sinh ngày 18/12/2003, Phan Tuấn Q, sinh ngày 24/8/2006 hiện các cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cả 02 người con, không yêu cầu anh Tuấn H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị.

- *Tại bản tự khai và biên bản ghi nhận ý kiến ngày 25/3/2019 anh Phan Tuấn H trình bày:* Về thời gian chung sống, thời gian ly thân đúng như chị T trình bày, vợ chồng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thời gian đầu có hạnh phúc

nhưng đến năm 2016 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nay chị T yêu cầu xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh Tuấn Anh xác định có 02 con chung tên Phan Tuấn D, sinh ngày 18/12/2003; Phan Tuấn Q, sinh ngày 24/8/2006 hiện các cháu đang sống chung với chị T. Khi ly hôn anh đồng ý giao cả hai người con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do việc đi lại không thuận tiện nên anh yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 14, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân không công nhận vợ chồng giữa chị T và anh Tuấn H; Về con chung giao cả 02 người con chung cho chị T nuôi, anh Tuấn H không cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Về thủ tục tố tụng: Tại bản tự khai và biên bản ngày 25 tháng 3 năm 2019 anh Tuấn Anh có yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với anh Tuấn Anh.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh Tuấn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó hôn nhân giữa chị T và anh Tuấn H đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống cả hai đều xác định có nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên thống nhất ly hôn. Mặc khác do chị T, anh Tuấn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Tuấn H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị T và anh Tuấn Anh xác định có 02 người con chung tên Phan Tuấn D, sinh ngày 18/12/2003; Phan Tuấn Q, sinh ngày 24/8/2006. Hiện các cháu đang sống chung với chị T. Khi ly hôn cả hai thống nhất giao cháu D và cháu Q cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với anh Tuấn H. Mặc khác tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 26/3/2019 các cháu cũng thể hiện ý kiến mong muốn được tiếp tục chung sống với chị T. Xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận của chị T, anh Tuấn H là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và không vi phạm đạo đức xã hội và điều cấm của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Mặc dù, giao con cho chị T nuôi nhưng nếu trong thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng chị T gặp khó khăn hoặc cản trở việc anh Tuấn H thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với con

thì anh Tuấn H vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh Tuấn H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị T, anh Tuấn H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T, anh Tuấn H khai không có, không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình chị T phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14, 51, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Cẩm T và anh Phan Tuấn H là vợ chồng.

Về con chung: Giao các cháu Phan Tuấn D, sinh ngày 18/12/2003; Phan Tuấn Q, sinh ngày 24/8/2006 hiện đang sống với chị T cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng đối với anh Tuấn H.

Anh Tuấn H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị T, anh Tuấn H khai không có, không xem xét.

Về nợ chung: Chị T, anh Tuấn H khai không có, không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Cẩm T phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 15/3/2019, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0002206 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Cẩm T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phan Tuấn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trần Huyền Trân

